

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02147** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Lý luận nhà nước và pháp luật**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011205	Đặng Văn Bé Ba	30/04/1989				7	7.0				9.0		8.2
2	2253801011206	Lê Bình Chiến	10/04/1990				7.5	7.5				6.0		6.6
3	2253801011207	Trần Ngọc Diên	17/01/1984				7.5	7.5				7.0		7.2
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1993				7	7.0				8.5		7.9
5	2253801011209	Trần Nhật Hào	17/10/1999				7	7.0				7.0		7.0
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/03/1987				9	9.0				8.5		8.7
7	2253801011211	Trần Công Hậu	19/01/1991				8	8.0				8.0		8.0
8	2253801011212	Nguyễn Văn Hết	18/04/1979				8.5	8.5				6.0		7.0
9	2253801011213	Kha Văn Hòa	08/04/1971				7.5	7.5				7.5		7.5
10	2253801011214	Mai Thanh Hoàng	01/01/1982				8	8.0				5.0		6.2
11	2253801011215	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1992				8	8.0				7.5		7.7
12	2253801011216	Nguyễn Văn Kiệt	29/08/1996				0	0.0				0.0	0.0	0.0
13	2253801011217	Huỳnh Văn Khải	02/08/1992				7	7.0				7.0		7.0
14	2253801011218	Trần Thị Liên	23/04/1992				8.5	8.5				7.0		7.6
15	2253801011219	Phan Thị Liễu	10/01/1984				8	8.0				8.5		8.3
16	2253801011220	Nguyễn Huy Long	02/03/1988				8	8.0				9.5		8.9
17	2253801011221	Trần Văn Ngà	30/04/1989				8	8.0				8.5		8.3
18	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo Ngân	28/12/1993				8	8.0				7.0		7.4
19	2253801011223	Nguyễn Thế Phong	15/09/2000				0	0.0				0.0	0.0	0.0
20	2253801011224	Huỳnh Trọng Phúc	19/06/2004				0	0.0				0.0	0.0	0.0
21	2253801011225	Lê Văn Quý	21/09/1974				8	8.0				6.0		6.8
22	2253801011226	Trần Hữu Sang	19/01/1989				7.5	7.5				9.5		8.7

Châu Đốc, ngày 30 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền